TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 01 - 2020
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đại Nghĩa
2. Ông Nguyễn Thành Lam

- Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị D1**, sinh năm 1981 *(có mặt)*

- Bị đơn: Anh **Đoàn Văn D2**, sinh năm 1981*(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: 245, ấp 2, xã Lộ x, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Dịu trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị D1 và anh Đoàn Văn D2 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã x, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2006. Sau thời gian chung sống khoảng 03 năm, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xảy ra bất đồng quan điểm nên dẫn đến tranh cãi trong cuộc sống hàng ngày. Anh D2 có tính gia trưởng, thường quát mắng vợ con, vì thương con còn nhỏ nên chị D1cố gắng chịu đựng, thậm chí có lần anh còn đánh chị, tuy nhiên không để lại thương tích nên chị không yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nên nhiều lần chị có nhờ bố mẹ hai bên hòa giải nhưng anh D2 không chịu thay đổi. Mâu thuẫn căng thẳng nên khoảng gần 01 năm nay vợ chồng chị sống ly thân

nhau, không còn sự yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Đến nay chị D1 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, ngày càng trầm trọng, chị cũng không còn tình cảm để tiếp tục chung sống với anh D2 nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Đoàn Thị Thúy D3, sinh ngày 28/8/2006, Đoàn Thị Thúy D4, sinh ngày 19/7/2008 và Đoàn Thị Ngọc D5, sinh ngày 10/5/2011. Sau khi ly hôn, chị D1 yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu anh D2 cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện hiện nay chị làm nghề buôn bán, có thu nhập hàng tháng và chỗ ở ổn định đảm bảo việc nuôi dưỡng cả 03 con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị và anh D2 tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị D1 không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các biên bản làm việc của Tòa án bị đơn anh Đoàn Văn D2 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với chị D1 về thời gian kết hôn và việc đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, đầm ấm đến khoảng 02 năm gần đây thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Chị D1 thường có những lời nói xúc phạm, thiếu sự tôn trọng đối với anh D2, thậm chí có lần mâu thuẫn xảy ra, chị D1 dùng kéo đâm vào tay anh D2, tuy nhiên không gây thương tích. Nhiều lần anh D2 khuyên nhủ nhưng chị D1 tính tình vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bản thân anh D2 cũng xác định không còn tình cảm với chị D1 nhưng vì anh có đạo nên anh D2 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất như chị D1 trình bày về 03 người con chung. Trường hợp Tòa án chấp nhận giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị D1 thì anh đồng ý giao ba con chung cho chị D1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh D2 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh và chị D1 tự thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng tạo lập trong thời gian chung sống, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh D2 và chị D1 không có khoản nợ chung. Anh D2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đoàn Văn D2 có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 29/11/2019.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa*:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tống đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dũng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt bị đơn.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị D1. Giao 03 con chung cho chị D1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm thời anh Dũng không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn chị Phan Thị D1 khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", bị đơn anh Đoàn Văn D2 có nơi cư trú tại số nhà 245, ấp 2, xã x, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn anh Đoàn Văn D2 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt do anh Dũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đoàn Văn D2 là phù hợp.

[2] Xét quan hệ tranh chấp trong vụ án

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị Phan Thị D1 và anh Đoàn Văn D2 tự nguyện yêu thương nhau và đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Lộ 25, huyện Thống Nhất cấp Giấy chứng nhận kết kết hôn ngày 17/7/2006. Căn cứ các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị D1 và anh D2 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị D1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo trình bày của chị D1 và anh D2 mặc dù không có sự thống nhất về nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên anh chị đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Trong cuộc sống gia đình anh chị đã thiếu sự yêu thương, nhường nhịn và tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau. Mâu thuẫn kéo dài đã làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng nên anh chị đã phải sống ly thân, nhiều lần anh chị đã được bố mẹ hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục.

Chị D1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng chị không thể khắc phục, giữa chị và anh D2 không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau, anh D2 cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn do anh là người có đạo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong cuộc sống của anh D2 chị D1 đã để xảy ra mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục, cuộc sống chung của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng ly hôn của chị D1 là chính đáng, căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D1.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh D2, chị D1 có 03 con chung là cháu Đoàn Thị Thúy D3, sinh ngày 28/8/2006, cháu Đoàn Thị Thúy D4, sinh ngày 19/7/2008 và cháu Đoàn Thị Ngọc D5, sinh ngày 10/5/2011. Khi ly hôn chị D1 yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung. Anh D2 cũng đồng ý giao các con chung cho chị D1 trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu D3, D4 và cháu D5 đều đã trên 07 tuổi, tại tòa án các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu cha mẹ ly hôn.

Xét thấy anh D2, chị D1 đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con sau khi ly hôn, tuy nhiên anh chị đã thống nhất giao cả 03 con cho chị D1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, thỏa thuận này của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của chị D1 và anh D2.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D1 không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh D2 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị D1, anh D2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị D1, anh D2 trình bày không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị D1 phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung của chị Phan Thị D1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị D1 và anh Đoàn Văn D2.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị D1 và anh D2 về nuôi con chung: Giao cho chị Phan Thị D1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con là Đoàn Thị Thúy D3, sinh ngày 28/8/2006, Đoàn Thị Thúy D4, sinh ngày 19/7/2008 và Đoàn Thị Ngọc D5, sinh ngày 10/5/2011. Tạm thời anh Đoàn Văn D2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đoàn Văn D2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị D1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007662 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai; chị D1 đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D2 vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã x. Huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Đào Thị Kiều Vân